

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 26/7/2017.
V/v: Yêu cầu không công nhận là vợ
chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phụng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Huy Khoa

- Bà Nguyễn Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Phương – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 26/7/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 245/2017/TLST-HNGĐ ngày 09/6/2017 về tranh chấp “Yêu cầu không công nhận là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/7/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1979.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1974.

Cùng trú tại: Thôn P, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bà M có mặt, ông L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thành L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995, không có đăng ký kết hôn. Ông, bà có thời gian tìm hiểu 01 năm và tự nguyện chung sống với nhau. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 5/2001 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà và ông L bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến thường xuyên cãi nhau làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Bà và ông L đã không còn sống

chung với nhau từ năm 2001 đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và không thể hàn gắn được nữa. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông Nguyễn Thành L là vợ chồng.

Về con chung: Bà và ông L có 01 con chung tên là Nguyễn Thành T, sinh ngày 08/10/1995. Hiện nay con chung đã thành niên, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông L không có tài sản chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông L không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Thành L:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Ngọc M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995, không có đăng ký kết hôn. Ông, bà có thời gian tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 5/2001 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông và bà M bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến thường xuyên cãi nhau làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Ông và bà M đã không còn chung sống với nhau từ năm 2001 đến nay. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và không thể hàn gắn được nữa. Bà M yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông và bà M là vợ chồng, ông đồng ý.

Về con chung: Ông và bà M có 01 con chung tên là Nguyễn Thành T, sinh ngày 08/10/1995. Hiện nay con chung đã thành niên, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà M không có tài sản chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà M không có nợ chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm có: 01 bản Giấy khai sinh con chung tên Nguyễn Thành T, sinh ngày 08/10/1995 (bản sao), 01 bản sổ hộ khẩu gia đình, 01 bản giấy chứng M nhân dân của bà M (bản sao), 01 bản Bản tự khai của bà M; Bị đơn ông Nguyễn Thành L nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ: 01 bản Giấy chứng M nhân dân của ông L (bản photo thẩm phán đã đối chiếu bản chính), 01 bản Bản tự khai của ông L; các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được gồm có: Không có.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “*Yêu cầu không công nhận là vợ chồng*” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M với bị đơn ông Nguyễn Thành L. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn ông L có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Ngọc M và ông Nguyễn Thành L chung sống với nhau từ năm 1995, không có đăng ký kết hôn, có tổ chức lễ cưới hỏi. Thời gian đầu bà M và ông L chung sống có hạnh phúc, đến khoảng tháng 5/2001 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến sự mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, theo bà M và ông L là do ông bà bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến thường xuyên cãi nhau làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Ông, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân, bà M yêu cầu không công nhận bà với ông L là vợ chồng ông L đồng ý. Xét thấy, bà M và ông L chung sống với nhau từ năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà M với ông L không được pháp luật công nhận, bà M và ông L đã không chung sống với nhau từ năm 2001 đến nay, không còn sự quan tâm, chăm sóc và trách nhiệm đối với nhau. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị Ngọc M và ông Nguyễn Thành L là vợ chồng.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc M và ông Nguyễn Thành L có 01 con chung tên là Nguyễn Thành T, sinh ngày 08/10/1995. Hiện nay, cháu Trung đã thành niên, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc M và ông Nguyễn Thành L không có tài sản chung, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc M và ông Nguyễn Thành L không có nợ chung, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc M, không công nhận bà Nguyễn Thị Ngọc M và ông Nguyễn Thành L là vợ chồng.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc M phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc khởi kiện yêu cầu không công nhận là vợ chồng, bà M đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2015/0006593 ngày 09/6/2017 được chuyển thu.

Bà M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông L vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu AV, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phụng Diễm

